

# NGHIÊN CỨU SẮC PHONG Ở ĐÌNH THẦN ĐÃ ĐƯỢC CÔNG NHẬN DI TÍCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP

■ DƯƠNG VĂN TRIÊM (\*) - ĐÀO CHÂU NAM (\*\*)

Sắc phong là loại văn thư của hoàng đế phong tặng cho các quan lại hoặc những người thân thích của họ tộc hay ban thần hiệu, phẩm tước, mỹ từ cho thần linh ở các đền đình của thôn làng. Đây là cách thức mà nhà vua nhân danh “thiên tử” tỏ ân uy của mình đối với bề tôi và cả giới thần linh.

Vấn đề nghiên cứu về sắc phong, mà cụ thể là sắc phong ở đình thần không phải là đề tài mới. Hoạt động này thường gắn với công tác lập hồ sơ di tích cho các địa phương của ngành văn hóa. Tuy nhiên đây chỉ là hoạt động riêng lẻ mang tính hành chính, chưa thể hệ thống để cho chúng ta có cái nhìn tổng quát về sắc phong đình thần. Ở Đồng Tháp, thời gian gần đây đề tài về sắc phong nói riêng và về Hán Nôm nói chung cho tới thời điểm này (2023) bắt đầu được giới nghiên cứu chú ý, tiêu biểu:

- Bài viết “Sắc phong và đối tượng được ban sắc ở tỉnh Đồng Tháp” của tiến sĩ Đỗ Thị Hà Thơ [1];

- Đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh “Sưu tầm, nghiên cứu di sản văn hóa Hán Nôm tỉnh Đồng Tháp” do phó giáo sư Lê Giang làm chủ nhiệm [3]... Nhưng nhìn chung công trình này nói về sắc phong đình thần còn ít, chủ yếu là giới thiệu nên chưa phản ánh được một cách đầy đủ toàn diện về sắc phong, đặc biệt là sắc phong ở đình thần đã được công nhận di tích. Tình trạng này có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân dễ nhận thấy nhất đó là sắc phong ở đình thần mang tính tâm linh nên bình thường sẽ khó tiếp cận được.

Do có điều kiện tổng hợp được khá đầy đủ các bản văn sắc phong nên trong khả năng, chúng tôi chọn đề tài “Nghiên cứu sắc phong ở đình thần đã được công nhận di tích trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp”, nhằm mục đích giới thiệu, bổ khuyết và góp một phần nhỏ cho hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực di sản Hán Nôm về sắc phong ở Đồng Tháp.

**1. Quá trình thành lập thôn làng và đình thần ở Đồng Tháp**

Khoảng từ năm 1600, để có đủ lực chống với chúa Trịnh ở Đàng ngoài, các chúa Nguyễn đã thực hiện nhiều biện pháp “thời chiến” như tăng cường bắt lính, tăng thuế khoá, bắt dân đi phu, làm tạp dịch... Do đó, đã đưa đến hệ quả là một lớp dân cư phải rời bỏ quê hương, tìm kế sinh tồn hoặc để trốn chạy sự áp bức, kiểm kẹp. Với phương tiện di chuyển bằng ghe bầu, họ chỉ có thể vào miền Nai Rựa rừng rậm tre cao. Từ đó theo các kinh rạch đi sâu vào đất liền tìm nơi cư trú thích hợp... rồi dần dần mở rộng ra toàn vùng sông Cửu Long. Ngoài lực lượng lưu dân tự phát trên, đến Đồng Tháp còn có lực lượng của triều đình. Tổng trấn Gia Định thành Lê Văn Duyệt tổ chức đội quân Gia An, ở trấn Định Tường gồm 8 hiệu, 79 trại, 2641 người để làm đồn điền.

Vào những thập niên cuối thế kỷ XVII và đầu thế kỷ XVIII công cuộc khai phá của lưu dân người Việt vươn dần lên phía thượng lưu, tập trung ở mạn Nam sông Tiền nhiều hơn là bờ Bắc, hình thành một số tụ

(\*) Thạc sĩ, Hội Khoa học Lịch sử Đồng Tháp - SĐT: 0972574080 - Email: dvtriem@gmail.com

(\*\*) Bảo tàng tỉnh Đồng Tháp, TP.Cao Lãnh, Đồng Tháp.

điểm mới: Cái Tàu Thượng (Đất Sét), Tòng Sơn... và trên các cù lao Trâu, cù lao Giêng, cù lao Cái Vừng, cù lao Tày...

- Ông bà Đỗ Công Tường, từ miền Trung vào lập nghiệp ở làng Mỹ Trà;

- Nguyễn Hương ở làng Tân Tịch, thuộc huyện Vĩnh An, phủ Tân Thành (An Giang);

- Nguyễn Văn Lân (1740 - 1790) đến khai khẩn ruộng đất hoang ở làng Hòa An, tổng An Tịnh, nơi rạch Xếp cùng rạch Cái Sơn;

- Một người họ Lê, từ miền Trung đến khai hoang ở vùng Cao Lãnh, khoảng giữa năm 1790;

- Họ Đỗ chưa rõ tên, người miền Trung cũng đến Cao Lãnh khai hoang, có con gái tên Đỗ Thị Đệ, năm 1802 gả cho Lê Văn Tấn;

- Ông bà Huỳnh Kim Phước và Phạm Thị Đức đến Cao Lãnh khai hoang, có hậu duệ là Huỳnh Kim Du;

- Nguyễn Văn Vạng (1790-?), cưới bà Lê Thị Khấn (1791-?), đến khai hoang và lập thân ở Chợ Gạo (Định Tường) sau về làng Mỹ Ngãi (tổng Phong Thạnh, quận Cao Lãnh)...

Ban đầu, người đi khai hoang lẻ loi, công cụ thuở ấy còn quá thô sơ nên phải chọn những vùng đất cao ráo hay dọc bên sông rạch để làm nơi định cư sinh sống. Sau nhờ kỹ thuật “*đào mương lên liếp*”, dần mở rộng địa bàn cư trú và diện tích canh tác, hình thành những “khu vực dân cư”.

Ở khu vực Nam sông Tiền, nằm dọc theo bờ sông, chợ Sa Đéc phía Đông lỵ sở huyện Vĩnh An “*nhà cửa nối nóc chợ mái nhau san sát như vẩy cá kéo dài đến 5 dặm, dưới sông có những bè tre, gác làm phòng ốc, đập sát thành hàng hoặc bán hàng tơ đoạn cùng đồ dùng từ nam bắc chở đến hoặc bán các thứ dầu rái, than, mây tre, khô, mắm... trên bờ dưới sông có trăm thứ hàng hóa tốt đẹp...*” [4, tr. 245] thương mại, phố thị khá phát triển.

Ở khu vực Bắc sông Tiền, những nơi gần hoặc thuộc vùng trung tâm Đồng Tháp Mười như khu vực sông Cần Lố: “*Dân cư ở đây thưa thớt, tre xanh rậm rạp liền nhau tạo thành rừng, có nhiều cây bách bì (cây trầm) (loại cây này có cả trầm lớp vỏ, lột lấy vỏ để làm vật lợp nhà, xâm thuyền, đập điệm đồ đạc, còn thân cây thì làm củi) và lác thì dùng làm chiếu, bao cà ròn, và buồm thuyền. Dân ở đây muối cá đồng làm mắm, chặt tre cây kết bè, theo dòng nước xuôi xuống bán ở các vùng chợ búa*” [4, tr. 60]. Do điều kiện tự nhiên khó

khăn, đất đai kém màu mỡ, nên khu vực này dân cư khá thưa thớt.

Để quần cư và tập hợp mọi người, thôn làng luôn cần những cơ sở công ích, ngoài cầu, chợ, đường một thiết chế văn hóa quan trọng là đình được xây dựng. Ở vùng đất Đồng Tháp thời gian ra đời của những ngôi đình sớm muộn khác nhau. Một trong những ngôi đình được xây dựng sớm, có quá trình phát triển liên tục, về cơ bản còn giữ được nét cổ kính cho tới nay như đình *Tân Quy Tây* (xây dựng khoảng năm 1812), đình *Vĩnh Phước* (xây dựng khoảng trước năm 1823) thuộc tổng Vĩnh Trung, huyện Vĩnh An, phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh<sup>1</sup> và đình *Long Khánh* (xây dựng khoảng trước năm 1830) thuộc tổng Bình Chánh, huyện Vĩnh Bình, phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh<sup>2</sup>... những ngôi đình này đều tập trung ở khu vực Nam sông. Đình thần ở Nam sông Tiền có thời gian ra đời sớm và số lượng nhiều hơn khu bờ Bắc.

Đình thần ra đời gắn với tên và số lượng thôn làng cụ thể. Khi Trương Đăng Quế vào nam kinh lý năm 1836, vùng đất Đồng Tháp ở cả hai khu vực phía Nam và Bắc sông Tiền đã được khai hoang và thành lập thôn làng.

- Khu vực phía Bắc sông Tiền có khoảng 15 thôn thuộc 2 tổng Phong Phú, Phong Thạnh của huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường;

- Khu vực Nam sông Tiền có khoảng 26 thôn thuộc 5 tổng An Hội, An Mỹ, An Thạnh, An Thới, An Tĩnh thuộc huyện Vĩnh An, phủ Tân Thành, tỉnh An Giang.

Tổng số thôn làng được thành lập trong giai đoạn này là khoảng 41. Nếu tạm lấy số lượng thôn làng ước chừng thì vùng đất Đồng Tháp cũng có số đình thần được xây dựng tương ứng.

Sự khác nhau rõ rệt về điều kiện tự nhiên giữa 2 bờ Nam và Bắc sông Tiền của tỉnh dẫn đến sự khác nhau trong quá trình khai hoang lập ấp. Theo đó cũng dẫn đến sự khác nhau về thời gian ra đời và phát triển của đình. Và số lượng sắc phong ở các đình giữa hai bờ cũng có những nét khác nhau.

## 2. Thống kê số lượng sắc phong

Đình làng là cơ sở tín ngưỡng chính thống của địa phương thời quân chủ. Việc đình thần hoàng của làng được vua sắc phong là một việc quan trọng. Vì sắc được coi là sự công nhận chính thức về tính hợp pháp của làng.

1. Nay đình Tân Quy Tây thuộc khu vực phường 1, thành phố Sa Đéc.

2. Nay đình Long Khánh thuộc xã Long Khánh A, huyện Hồng Ngự.

Theo thống kê của tiến sĩ Đỗ Thị Hà Thơ, toàn tỉnh có 85 ngôi đình còn có 16 đình, mỗi đình 1 sắc phong, có sắc còn nguyên vẹn, có sắc bị rách nát hoàn toàn, riêng đình Tân Xuân (Châu Thành) có 4 sắc, đình Thường Lạc (huyện Hồng Ngự) có 3 sắc. Trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp có đình chỉ có 1 sắc phong, có đình lại có đến 6 sắc phong như đình Tân An, Mỹ Ngãi (thành phố Cao Lãnh), Bình Hàng Trung, Bình Hàng Tây, Mỹ Long, Mỹ Hội, (huyện Cao Lãnh), Mỹ Xương (Sa Đéc). [1]

Số lượng thống kê trên chưa rõ ràng và có phần chưa sát với thực tế, theo khảo sát của chúng tôi đến thời điểm hiện tại (2023) trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp là 96 đình, có 5 đình được xếp hạng di tích quốc gia, 33 đình xếp hạng di tích cấp tỉnh, đình đưa vào danh mục kiểm kê giai đoạn năm 2021 – 2025 là 13 và đình chưa đưa vào danh mục kiểm kê là 45. Đình được công nhận di tích sớm nhất là Tòng Sơn (2001) và Vĩnh Phước (2003).

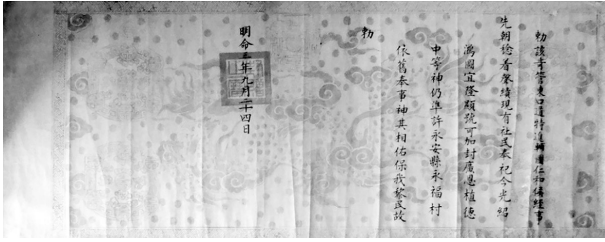
Trong số 96 đình này, theo giới hạn nghiên cứu chúng tôi chỉ tập trung ở những đình đã được công nhận di tích gồm di tích quốc gia và cấp tỉnh. Số lượng được thống kê cụ thể như sau:

Đình	Số lượng sắc	Địa chỉ
<b>Di tích cấp quốc gia</b>		
Đình Định Yên	1	Xã Định Yên, Lấp Vò
Đình Long Khánh	1	Xã Long Khánh A, huyện Hồng Ngự
Đình Phú Hựu	1	Thị trấn Cái Tàu Hạ, Châu Thành
Đình Tân Phú Trung	1	Xã Tân Phú Trung, Châu Thành
Đình Tân Nhuận Đông (Phú Nhuận)	1	Xã Tân Nhuận Đông, Châu Thành
<b>Di tích cấp tỉnh</b>		
Đình Mỹ Ngãi	6	Xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh
Đình Tân Tịch	4	Phường 6, thành phố Cao Lãnh
Đình Tân An	6	Phường 11, thành phố Cao Lãnh
Đình Tân Thuận Tây (Bằng Lăng)	2	Xã Tân Thuận Tây, thành phố Cao Lãnh
Đình Tịnh Thới	2	Xã Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh
Đình Mỹ Long	6	Xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh
Đình Thượng Văn (Bình Thạnh)	2	Xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh
Đình Bình Hàng Trung	6	Xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh
Đình Mỹ Hội	6	Xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh
Đình Trà Bông	6	Xã Nhị Mỹ, huyện Cao Lãnh
Đình Vĩnh Phước (Đình Gạo)	2	Phường 1, Sa Đéc

Đình Tân Quy Tây	1	Phường 1, Sa Đéc
Đình Tân Dương	1	Xã Tân Dương, Lai Vung
Đình Phong Hòa (Tân Phong)	1	Xã Phong Hòa, Lai Vung
Đình Vĩnh Thới và Tân Hòa (Cái Mít)	1	Xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung
Đình Tòng Sơn	1	Xã Mỹ An Hưng A, Lấp Vò
Đình Tân An Trung	1	Xã Tân Khánh Trung, Lấp Vò
Đình Long Khánh	1	Xã Tân Khánh Trung, Lấp Vò
Đình Hội An Đông	1	Xã Hội An Đông, Lấp Vò
Đình Long Hưng A (Cái Côn)	1	Xã Long Hưng A, Lấp Vò
Đình Cai Châu (Tân Mỹ)	1	Xã Tân Mỹ, Lấp Vò
Đình Bình Thạnh Trung	1	Xã Bình Thạnh Trung, Lấp Vò
Đình Long Thuận	1	Xã Long Thuận, huyện Hồng Ngự
Đình Thường Phước	1	Xã Thường Phước 2, huyện Hồng Ngự
Đình Thường Lạc	1	Phường An Lạc Lạc, thành phố Hồng Ngự
Đình Tân Hội	không	Xã Tân Hội, thành phố Hồng Ngự
Đình Phú Thành A (An Phú)	2	Xã Phú Thành A, Tam Nông
Đình An Long	không	Xã An Hòa, Tam Nông
Đình Ngã Ba Thông Bình	không	Xã Thông Bình, Tân Hồng
Đình An Phong	6	Xã An Phong, Thanh Bình
Đình Tân Long	1	Xã Tân Long, Thanh Bình
Đình Tân Phú	6	Thị trấn Thanh Bình, Thanh Bình
Đình Tân Thạnh	2	Xã Tân Thạnh, Thanh Bình

Qua bảng thống kê tổng số có 38 đình thần. Số lượng sắc phong ở các đình di tích cấp quốc gia là 5 sắc và di tích cấp tỉnh là 79 sắc tổng cộng là 84 sắc. Bao gồm các loại sắc *phong tặng* và *ban tặng* của thần Thành hoàng, thần Đại càn và sắc danh nhân.

Sắc được phong sớm nhất là vào năm 1822, đời vua Minh Mạng cho Nguyễn Hữu Nhơn tham chính dưới thời Võ Vương Nguyễn Phước Khoát. Thời chúa Nguyễn, Nguyễn Hữu Nhơn được giao trọng trách cai quản đạo Đông Khẩu tương ứng với vùng phía Nam sông Tiền của tỉnh Đồng Tháp ngày nay (gồm thành phố Sa Đéc và ba huyện Châu Thành, Lai Vung, Lấp Vò) suốt hơn hai mươi năm.

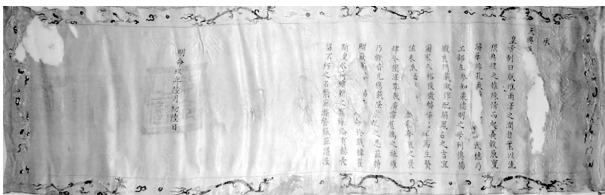


Sắc “Cải cơ quân Đông Khẩu đạo Đặc tấn phụ quốc Nhơn Hòa hầu” (Nguyễn Hữu Nhơn)

Sớm thứ hai là sắc phong vào năm 1828, đời vua Minh Mạng ở đình Thượng Văn. Sắc bằng chất liệu khá hiếm thấy, đó là 2 sắc bằng vải lụa vàng phong cho ông Bùi Đắc Lộc và bà Lê Thị Tuệ là thân mẫu của Bùi Đức Minh (? - 1835) quan lại thời Nguyễn.



Sắc truy phong cho ông Bùi Đắc Lộc



Sắc truy phong cho bà Lê Thị Tuệ

Sắc phong trẻ nhất là đời vua Bảo Đại năm 1944, mỹ tự “Tinh hậu Dực bảo Trung hưng Trung đẳng thần”, sắc Thành hoàng Bổn cảnh, phong lần đầu cho đình Thường Phước, được xây dựng từ năm 1883.

Sắc phong này được cấp dưới thời thuộc Pháp; đây là sắc phong thần “hợp pháp”. Vì đơn xin phép cấp sắc thông qua chính quyền thuộc địa ở Nam kỳ để gửi ra triều đình Huế [2]. Nhưng có điều đáng chú ý, bởi lẽ lúc bấy giờ toàn bộ Nam kỳ là thuộc địa của Pháp, triều đình Huế không có quyền can thiệp vào vùng đất này, thì làm sao có thể ban sắc phong thần. Hơn nữa, ở câu cuối trong mỗi đạo sắc phong thần, nhà vua thường dặn dò trách nhiệm của vị thần phải “bảo ngã lê dân” (保我黎民) (bảo vệ dân đen của trẫm), chẳng khác nào “kích động ngầm” người dân kháng Pháp. Tuy nhiên, vì nhiều lý do mà hầu hết các đơn xin được cấp sắc đều được nhà nước thuộc địa chấp nhận và chuyển ra triều đình Huế phê chuẩn cấp sắc phong.

Ba đình không có sắc: Tân Hội, An Long và đình Ngã Ba Thông Bình. Đình không có sắc do nhiều nguyên nhân như thiên tai, chiến tranh, trộm cắp...

Hiện nay có đình còn lưu giữ rất nhiều sắc phong, có đình nhiều nhất lên đến 6 sắc: Mỹ Ngãi, Tân An, Mỹ Long, Bình Hàng Trung, Mỹ Hội, Trà Bông, An Phong, Tân Phú, những đình này chỉ tập trung ở khu vực Bắc sông Tiền của Đồng Tháp. Trong sáu sắc còn lưu giữ ở mỗi đình thường có “công thức” chung là 4 sắc được cấp thời vua Thiệu Trị, 2 sắc được cấp thời vua Tự Đức.

### 3. Nội dung một số sắc tiêu biểu

Qua các văn bản sắc phong khảo sát được trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp ở những đình được công nhận di tích cho thấy, các đối tượng sắc được ban sắc chủ yếu là thần Thành hoàng Bổn cảnh, thần Đại càn Quốc gia Nam Hải, những công thần có công trạng với đất nước và thần “sáng tạo”. Việc phong tặng này đánh dấu sự công nhận hợp pháp của triều đình đối với vấn đề tín ngưỡng và thờ tự ở địa phương.

#### 1.1. Sắc “Nhục thu tôn thần”

Quá trình cấp sắc phong thần ở các đình của vùng đất Đồng Tháp diễn ra trong hai thời kỳ, thời Nguyễn và dưới thời thuộc Pháp. Tuy nhiên trong giai đoạn giao thời một số làng thành lập trẻ không được cấp sắc phong. Trường hợp này, để hợp thức hóa, người dân dùng nhiều cách, trong đó có việc tự “sáng tạo” một vị thần riêng cho đình thần của mình để thờ, trường hợp đình Long Hưng A.

Theo các vị cao niên kể rằng, ông Nguyễn Đăng Khoa là tướng theo nghĩa quân đốc binh Nguyễn Tấn Kiều tham gia chống Pháp ở Đồng Tháp Mười. Năm 1867, sau khi thất thủ, ông dẫn một cánh quân rút về vàm rạch Cái Côn, đổi thành họ Lê. Năm 1872, ông vận động dân xây dựng đình Long Hưng nhưng do buổi giao thời nên không xin được sắc phong, đình thống nhất tự lập thần để thờ. Tổ chức xin xăm để chọn tên thần, kết quả xin xăm thần có tên “Nhục thu tôn thần” (澍秋尊神).

Sau một thời gian phụng thờ, đến ngày 11 tháng 12 năm 2001, đình được người dân<sup>3</sup> hiến tặng sắc. Thời gian ghi trong sắc này là cấp vào đời vua Khải Định năm 1925. Sắc phong cấp cho thần “Nhục thu tôn thần”: “Hoảng phu Hậu vọng Tuế hiển Phổ chiếu Linh quang Thiên trợ Đông liệt Hoàng tế Quang nghĩa Thanh đức Thần công Hùng liệt Thuần chánh Linh thừa Hòa lôi Thiên trụ Nhục thu tôn thần, gia tặng Túc mục thượng đẳng thần”.

3. Do thân tộc của ông Thái Duy ở Sa Đéc hiến tặng.



Sắc “Nhục thu tôn thần” ở đình Long Hưng A

**Nguyên văn:**

新永社和社新永和新永和新永  
 助光天靈光靈光靈光靈光靈光  
 火垂火垂火垂火垂火垂火垂火垂  
 蒙節節節節節節節節節節節節  
 慶四四四四四四四四四四四四  
 節節節節節節節節節節節節節節  
 上目上目上目上目上目上目上目  
 等神特準奉事用誌國慶而申祠典欽哉

啟定 玖年 柒月 貳拾 五日。

**Phiên âm:**

Sắc Sa Đéc tỉnh, Vĩnh An huyện, An Trung tổng, Tân Vĩnh Hòa xã, Tân Phú Đông ấp phụng sự Hoàng phu Tuấn vọng Tuế hiển Phổ chiếu Linh quang Thiên trợ Dũng liệt Hoàng tế Quang nghĩa Thanh đức Thần công Hùng liệt Thuần chánh Linh thùy Hòa lời Thiên trụ Nhục thu tôn thần hộ quốc tì dân nắm trú linh ứng tiết mông ban cấp sắc phong chuẩn hứa phụng sự tú kim chánh trực Trẫm tứ tuần đại khánh tiết cấp ban bảo chiếu đảm ân lễ long đăng trật trú gia tặng Túy Mục thượng đẳng thần đặc chuẩn phụng sự dụng chí quốc khánh nhi thân từ điển. Khâm tai.

Khải Định cửu niên thất nguyệt nhị thập ngũ nhật.

**Dịch nghĩa:**

Sắc cho tỉnh Sa Đéc, huyện Vĩnh An, tổng An Trung, làng Tân Vĩnh Hòa, ấp Tân Phú Đông phụng thờ Hoàng phu Tuấn vọng Tuế hiển Phổ chiếu Linh quang Thiên trợ Dũng liệt Hoàng tế Quang nghĩa Thanh đức Thần công Hùng liệt Thuần chánh Linh thùy Hòa lời Thiên trụ Nhục thu tôn thần có công bảo vệ đất nước che chở nhân dân, lâu nay linh ứng rõ ràng. Định kỳ được ban tặng sắc phong chuẩn cho phụng thờ, nhân đại lễ Tứ tuần của Trẫm, lệnh ban chiếu báu báo ân sâu, lễ long trọng phong tặng thêm là Túy Mục thượng đẳng thần. Cho phép phụng thờ như trước. Kính thay!

Ngày 25 tháng 7 năm Khải Định thứ 9 (1925).

“Nhục thu” là một nhiên thần; đây là vị thần hiếm gặp ở Đồng Tháp và trong cả vùng Nam bộ cũng khó tìm. Giả thuyết, nếu việc xin xăm chọn tên thần là có thật thì việc đình nhận được sắc phong do người dân hiến tặng về một vị thần cùng tên được triều đình sắc

phong làm cho chúng ta không khỏi nghi vấn về tính thật, giả của sắc.

Nghi vấn thứ nhất, thông thường sắc thần được triều đình phong thờ ở đình làng Nam bộ nói chung là dành cho thần Thành hoàng, những công thần và những thần dân gian gắn liền với hoạt động kinh tế, văn hóa xã hội đặc thù của địa phương cụ thể. Nói cách khác một vị thần nào được sắc phong để nhân dân thờ tự đều phải có tên trong hệ thống thần vị của triều đình, hiện tại chưa phát hiện trường hợp ngoại lệ.

Nghi vấn thứ hai, địa danh trong sắc “Nhục thu” ghi “Sa Đéc tỉnh, Vĩnh An huyện, An Trung tổng, Tân Vĩnh Hòa xã, Tân Phú Đông ấp” là chưa đúng vì dưới thời thuộc Pháp cụ thể năm 1925, cấp hành chính “huyện” và địa danh “Vĩnh An” không còn nữa và tổng An Trung của tỉnh Sa Đéc không có làng xã nào tên “Tân Vĩnh Hòa”. Làng Tân Vĩnh Hòa được thành lập từ ngày 10 tháng 10 năm 1931 thuộc tổng An Trung, quận Châu Thành (Sa Đéc), do sáp nhập từ các làng Vĩnh Phước, Hòa Khánh, Tân Phú Đông, Tân Quy Tây và Tân Hưng.

Từ hai nghi vấn trên, có thể tạm kết luận sắc “Nhục thu” hiện được thờ ở đình Long Hưng A là sắc được người dân “tự chế” để hiến tặng riêng cho đình.

**1.2. Sắc “Đại càn Quốc gia Nam Hải”**

Loại sắc này, tìm thấy bên cạnh sắc “Thành hoàng Bốn cảnh” ở các đình thuộc khu vực Bắc sông Tiền của tỉnh Đồng Tháp. Trong “Định Tường toàn đồ” (定祥全圖), nơi đây trước gọi “Lâm tẩu” (林藪) là vùng ngập, nước đọng, bị nhiễm phèn, lợ..., trũng thấp thuộc trung tâm Đồng Tháp Mười được bao quanh bởi giồng đất cao ở vùng ven các con sông lớn. Do đặc điểm tự nhiên như thế, nên vùng này không có lợi thế về trồng lúa nhưng lại là nơi có nguồn lợi tự nhiên dồi dào, đáng chú ý là cá.

“Gia Định thành thông chí” của Trịnh Hoài Đức, viết: “Huyện Kiến Đăng từ đông sang tây tiếp giáp với vùng biên giới Cao Miên có nhiều bưng biển, chằm, ao, cá tôm ăn không hết. Cứ đến tháng 4, 5 khi mưa xuống, nước tràn thì cá sinh trưởng đầy dẫy kiếm ăn ở trong ruộng, trong đầm. Phàm những nơi có nước và có cỏ dù sâu chỉ độ hơn tấc ta cũng có cá ở”. [4, tr. 65]

Sự dồi dào về nguồn lợi thủy sản nơi đây cũng được người Pháp ghi nhận như sau:

“Trong đất ruộng “Plaine des Joncs”<sup>4</sup> ở những chỗ ngập nước sâu từ 0,5m đến 2m, vào mùa mưa có rất nhiều cá. Đến mùa khô thì người ta đánh bắt cá ở các mương, đìa, rạch, sau đó thì người ta muối đem bán ở Chợ Lớn và Sài Gòn.”<sup>5</sup> [5, tr. 1282]

4. “Plaine des Joncs” tức vùng Đồng Tháp Mười.  
 5. Nguyên văn: Riz dans la partie cultivable. La Plaine des Joncs, couverte suivant les endroits de 0 m50 à deux mètres d'eau pendant la saison des pluies, est un vaste réservoir à poissons; à la saison sèche, le poisson se ramasse dans les étangs et les petits rachs où il est pêché, et ensuite expédié sous forme de poisson salé, sur les marchés de Cholon et Saigon.

Cá ở đây không những phong phú về số lượng mà còn đa dạng về chủng loại. Vào mùa nước nổi cá từ Biển Hồ theo dòng sông Tiền về đây trú ngụ và sinh sản, đến khi mùa nước rút thì bị mắc cạn. Chính số lượng sản vật phong phú, kích thích sự hình thành nghề đánh bắt cá. Trong hoạt động tâm linh, người dân lập miếu thờ thần Đại càn với ước mong được thần phù hộ.

Thần Đại càn là tên gọi dân gian của một vị nữ thần có danh hiệu. Thần có nguồn gốc từ miền Trung vốn là thần phù hộ người đi biển và thương nhân. Nhưng khi đến Đồng Tháp thần trở thành thần phù hộ cho những người làm nghề cá trên đồng ruộng.

Thần Đại càn nằm trong hệ thống thần linh nhà Nguyễn, được triều đình sắc phong. Sắc phong Đại càn ở đình Bình Hàng Tây:

**Nguyên văn:**

敕大乾國家南海含弘光大至德溥博四位上等神護國庇民稔著靈應。肆今丕膺耿命，緬念神庥，可加贈含弘光大至德溥博顯化四位上等神，仍準建豐縣平翰西村依舊奉事。神其相佑保我黎民。欽哉。

紹治五年拾貳月貳拾陸日。

**Phiên âm:**

Sắc Đại càn quốc gia Nam Hải Hàm hoàng Quang đại Chí đức Phổ bác tứ vị Thượng đẳng thần hộ quốc tỳ dân nẫm trú linh ứng. Tú kim phi ung cảnh mệnh, miến niệm thần hưu, khả gia tặng Hàm hoàng, Quang đại, Chí đức, Phổ bác, Hiển hoá tứ vị thượng đẳng thần, nhưng chuẩn Kiến Phong huyện Bình Hàng Tây thôn y cựu phụng sự. Thần kỳ tương hữu bảo ngã lệ dân. Khâm tai!

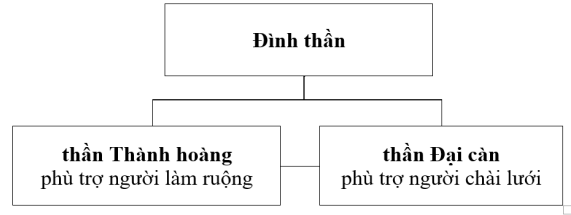
Thiệu Trị ngũ niên thập nhị nguyệt nhị thập lục nhật.

**Dịch nghĩa:**

Sắc cho bốn vị Thượng đẳng thần Đại càn quốc gia Nam Hải đã được phong tặng Hàm hoàng Quang đại Chí đức Phổ bác, có công giữ nước giúp dân, từ lâu linh ứng rõ rệt. Nay trẫm vâng mệnh sáng của trời, nghĩ đến ơn thần, gia tặng mỹ hiệu Hàm hoàng Quang đại Chí đức Phổ bác Hiển hóa cho bốn vị Thượng đẳng thần, vẫn chuẩn cho thôn Bình Hàng Tây huyện Kiến Phong thờ phụng như cũ. Thần hãy che chở giúp đỡ cho con dân của trẫm. Hãy kính tuân theo!

Ngày 26 tháng 12 năm Thiệu Trị thứ năm (1845).

Như vậy, ngoài thờ thần Thành hoàng phù trợ cho những người làm ruộng [6, tr. 76-87], ở khu vực Bắc sông Tiền của Đồng Tháp còn xuất hiện thần Đại càn phù trợ cho những người làm nghề chài lưới, đều được thờ ở đình, tạm biểu diễn theo sơ đồ sau:



Theo khảo sát của tiến sĩ Đỗ Thị Hà Thơ, Đồng Tháp hiện chỉ còn một miếu thờ thần Đại càn nằm trong khuôn viên đình Mỹ Hội [1], mặc dù số lượng sắc phong ban cho vị thần này tương đối nhiều. Điều này phản ánh sự thay đổi về cơ cấu nghề nghiệp của người dân Đồng Tháp. Mà cụ thể là ở khu vực Bắc sông Tiền (vùng Đồng Tháp Mười) nguồn cá không còn dồi dào như trước nên nghề đào ao bắt cá trên đồng ruộng không còn nữa.

Thần Đại càn được phối tự trong đình, có nơi không có ban, khánh thờ riêng. Sự linh ứng của thần Đại càn cũng như một số vị thần khác không xuất hiện trong khuôn viên ngôi đình được dân địa phương kêu cầu qua bản văn tế thần vào mỗi dịp lễ hằng năm.

**1.3. Sắc danh nhân “Nguyễn Hữu Nhơn”**

Nguyễn Hữu Nhơn, người gốc miền Trung, làm quan dưới thời chúa Nguyễn chưa rõ năm sinh, năm mất. Công lao tiêu biểu của ông là đón đánh quân Xiêm, giành thắng lợi lớn ở Cường Thành giang (強城江), tức sông Lấp Vò vào khoảng năm 1771.

Do có những công lao to lớn nên sau khi ông mất được triều đình truy phong tước hầu và được nhân dân tôn kính lập đền thờ ở thôn Vĩnh Phước năm 1807. Đến năm Minh Mạng thứ 3 được phong “Quảng ân Thực đức Trung đẳng thần”, giao cho thôn Vĩnh Phước thờ phụng như cũ.

**Nguyên văn:**

敕該奇東口道，特進輔國仁和侯，經事先朝，稔著聲績，現有社民奉祀。今光紹鴻圖，宜隆顯號，可加封廣恩植德中等神，仍準許永安縣永福村依舊奉事。神其相佑保我黎民。故勅。

明命三年九月二十四日。

**Phiên âm:**

Sắc Cai cơ Đông Khẩu đạo, đặc tiến Phụ quốc Nhơn Hòa hầu, kính sự tiên triều, nẫm trú thanh tích, hiện hữu xã dân phụng tự. Kim quang thiệu hồng đồ, nghi long hiển hiệu, khả gia phong Quảng ân Thực đức Trung đẳng thần, nhưng chuẩn hứa Vĩnh An huyện Vĩnh Phước thôn y cựu phụng sự. Thần kỳ tướng hộ bảo ngã lệ dân. Cổ sắc!

Minh Mệnh tam niên cửu nguyệt nhị thập tứ nhật.

**Dịch nghĩa:**

Sắc cho Cai cơ đạo Đông Khẩu, đặc biệt tấn phong Phụ quốc Nhơn hòa hầu, từng phụng sự triều trước, lâu nay thanh tích rõ ràng, đang được dân xã thờ phụng. Nay ta kế thừa nghiệp lớn, nghĩ thần xứng với danh hiệu rõ ràng, đáng gia phong danh hiệu Quảng ân Thực đức Trung đẳng thần, chuẩn cho thôn Vĩnh Phước huyện Vĩnh An phụng thờ như trước. Mong thần giúp đỡ, bảo vệ dân ta. Vậy nên sắc cho.

Ngày 24 tháng 9 năm Minh Mệnh thứ 3 (1822).

Sắc phong dùng ấn “Phong tặng chi bảo” (封贈之寶), ấn này thường sử dụng trên các đạo sắc, cáo, phong tặng cho các quan văn võ, công thần hay nhân thần giai đoạn từ năm 1802 đến 1827, đến năm 1828 thì thay đổi.

Ngoài sắc phong Nguyễn Hữu Nhơn, còn có sắc phong cho Nguyễn Hương, đình Tân Tịch. Nguyễn Hương là vị võ quan triều Nguyễn xuất thân nghèo khó nhưng lại giỏi võ nghệ sớm dẫn thân vào đường binh nghiệp, làm đến chức chánh lãnh binh năm 1864. Nhưng sắc phong của Nguyễn Hương không phải sắc phong thần mà là sắc phong quan chế. Như

vậy sắc phong Nguyễn Hữu Nhơn là sắc phong nhân thần duy nhất ở các đình được công nhận di tích của tỉnh Đồng Tháp.

**4. Kết luận**

Ngoài sắc phong ở những đình thần đã được công nhận di tích, còn có những sắc ở đền, miếu... cũng chiếm số lượng khá nhiều. Sắc phong xưa nhất ở Đồng Tháp là vào thời Cảnh Hưng và số lượng sắc được phong nhiều nhất là vào thời Tự Đức. Điều này phản ánh sự linh ứng, tầm quan trọng của thần đối với sinh hoạt tín ngưỡng tâm linh của người dân Đồng Tháp.

Một số đình ngoài sắc phong, hiện vẫn còn lưu giữ hiện vật hoành phi, liễn đối, tuy có những hiện vật chưa xác định được niên đại nhưng cũng có những hiện vật được xác định thời gian tồn tại khá lâu có giá trị lịch sử như các bức hoành phi: “Hoàng đồ cách cố” và “Hộ quốc tỵ dân”... đến nay còn khá nguyên vẹn về màu sắc, lẫn vật liệu gỗ. Và những bao lam ngoài kỹ thuật chạm khắc, với lối kiến trúc xưa... Nhìn chung, dù trải qua nhiều biến cố, đình và vị trí đình mặc dù có nhiều thay đổi nhưng những sắc phong, di vật của đình còn lưu lại là minh chứng cho một giai đoạn lịch sử, văn hóa sống động./.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Đỗ Thị Hà Thơ (2019), “Sắc phong và đối tượng được ban sắc ở tỉnh Đồng Tháp”, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, tại trang [https://sj.ctu.edu.vn/ql/docgia/download/baibao-65998/03-XHNV-DO%20THI%20HA%20THO\(202-211\)021.pdf](https://sj.ctu.edu.vn/ql/docgia/download/baibao-65998/03-XHNV-DO%20THI%20HA%20THO(202-211)021.pdf) [truy cập ngày 20/6/2023].
- Lê Công Lý (2019), “Việc phong thần ở nam bộ thời Pháp thuộc”, Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển, số 3 (146), tại trang <http://thanhdiavietnamhoc.com/viec-phong-than-o-nam-bo-thoi-phap-thuoc/> [truy cập ngày 1/7/2023].
- PGS. Lê Giang (chủ biên) (2018), *Sưu tầm, nghiên cứu di sản văn hóa Hán Nôm tỉnh Đồng Tháp*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh năm 2018.
- Trịnh Hoài Đức – Hậu học Lý Việt Dũng (dịch và chú giải) – Ts. Huỳnh Văn Tới (hiệu đính và giới thiệu) (2006), *Gia Định thành thống chí*, Nhà xuất bản Tổng hợp Đồng Nai.
- ? (1909), *Annuaire général de l'IndoChine française*, (deuxième) (en 1909) (partie commerciale), Imprimerie d'Extrême – Orient, Hanoi.
- Nguyễn Hữu Hiếu (2010), *Nghề cá Đồng Tháp Mười năm xưa*, Nhà xuất bản Văn học – Hội văn học nghệ thuật Đồng Tháp.